

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24/01/2025.
“V/v ly hôn, tranh chấp về con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Công Định

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Ngọc Côn

Bà Nguyễn Thị Công Mừng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Mạnh Thắng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 378/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXX -HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị P, sinh năm 1985; vắng mặt

Địa chỉ: TDP M, TT P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn X, sinh năm 1980; có mặt

Địa chỉ: TDP M, TT P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 10/07/2024, những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Đỗ Thị P trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn X kết hôn với nhau ngày 17/07/2003 đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn anh chị đã được tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau kết hôn chị về nhà anh X làm dâu ngay. Vợ

chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, không cùng nhau phát triển kinh tế, anh X có đánh chị. Chị và anh X đã ly thân từ giữa năm 2021 đến nay không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã căng thẳng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa. Chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn X.

Về con chung: Chị và anh X có 02 con chung là Hoàng Văn H, sinh ngày 04/08/2004 và Hoàng Yến T, sinh ngày 04/12/2007. Vợ chồng ly hôn chị P có nguyện vọng nuôi cháu T và không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh X tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Văn X trình bày: Anh xác định thời điểm kết hôn và vợ chồng có mâu thuẫn như chị P trình bày là đúng. Anh xác định vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân là không hợp nhau và chị P có quan hệ ngoại tình với người khác. Vợ chồng anh mâu thuẫn có được họ hàng hai bên hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng anh ly thân không còn chung sống với nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng anh muốn vợ chồng cùng chung sống để cùng nhau nuôi dạy con cái nên chị P xin ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị P trình bày là đúng. Nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cả con chung là cháu Hoàng Yến T, anh không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh và chị P tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy ý kiến của con chung cháu Hoàng Yến T trình bày nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở cùng bố Hoàng Văn X.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đỗ Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử công bố lời khai của chị Đỗ Thị P trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa anh Hoàng Văn X xác định vợ chồng mâu thuẫn không thể hàn gắn, chị P xin ly hôn anh X đồng ý, con chung, anh X đề nghị được nuôi cháu Hoàng Yến T và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung và nghĩa vụ chung với tài sản anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương sự theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 3; 6; 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị P được ly hôn với anh Hoàng Văn X.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Yến T, sinh ngày 04/12/2007 cho anh Hoàng Văn X trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Sau ly hôn chị P có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở chị P thực hiện quyền này của mình.

- Về tài sản và công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Đỗ Thị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Đỗ Thị Phan khởi K yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn và con chung với anh Hoàng Văn X có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại TDP M, TT P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đỗ Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị P.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Chị Đỗ Thị P và anh Hoàng Văn X kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G ngày 17/07/2003, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị P và anh Hoàng Văn X là hợp pháp. Quá trình chung sống chị P cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, không cùng nhau phát triển kinh tế; anh X xác định vợ chồng mâu thuẫn và chị P ngoại tình. Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù chị P và anh X mỗi người đưa ra một nguyên nhân mâu thuẫn khác nhau nhưng cả hai đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, cãi nhau và thực tế chị P và anh X đã ly thân từ giữa năm 2021 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau, không sống chung cùng nhau là không đảm bảo theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị P và anh X đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của chị P, cho chị Đỗ Thị P được ly hôn anh Hoàng Văn X.

[4]. Về con chung: Chị Đỗ Thị P và anh Hoàng Văn X đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Văn H, sinh ngày 04/08/2004 và Hoàng Yến T, sinh ngày 04/12/2007. Hiện cháu H đã trên 18 tuổi và phát triển bình thường, chị P và anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị P và anh X đều có nguyện vọng nuôi con chung là cháu Hoàng Yến T, sinh ngày 04/12/2007, cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị P và anh X đều chính đáng. Nguyện vọng của cháu T trong trường hợp chị P và anh X ly hôn là được ở với bố là anh X, cháu T hiện đang ở cùng anh X. Do đó, HĐXX thấy để đảm bảo cho việc phát triển bình thường của cháu T cần giao cháu T cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Cấp dưỡng nuôi con chung anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Chị Đỗ Thị P có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn theo Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Đỗ Thị P và anh Hoàng Văn X cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Đỗ Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự chị Đỗ Thị P và anh Hoàng Văn X có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 3; 6; 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. *Quan hệ hôn nhân*: Cho chị Đỗ Thị P và anh Hoàng Văn X được ly hôn.

2. *Con chung*: Giao cháu Hoàng Yến T, sinh ngày 04/12/2007 cho anh Hoàng Văn X trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Chị Đỗ Thị P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn không ai được cản trở chị P thực hiện quyền này của mình.

3. *Về tài sản và công nợ chung*: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị P đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006388 ngày 16/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Xác nhận chị P đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- THADS huyện Lục Ngạn;
- Đương sự;
- UBND xã Giáp Sơn;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Công Định